TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ TÂN CHÂU** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 207/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 07- 7-2017
"V/v Ly hôn giữa chị N và anh P"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN CHÂU, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hữu Dẫm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Cư

2. Bà Võ Thị Lan

- Thư ký phiên tòa: Ông Đào Công Minh là Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Châu *tham gia phiên tòa*: Ông Nguyễn Bảo Thịnh - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 7 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 50/2017/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 02 năm 2017 về "Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 117/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 162/2017/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 6 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị N**, sinh năm 1986, nơi cư trú: Tổ 3, ấp 2, xã Vĩnh Xương, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang. (có mặt)

2. Bị đơn: Anh **Trần Văn P**, sinh năm 1985, nơi cư trú: Tổ 3, ấp 2, xã Vĩnh Xương, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai về việc ly hôn đề ngày 03/02/2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Nguyễn Thị N trình bày:

- *Về hôn nhân*: Chị và anh P không quen biết nhau trước, do mai mối và được sự đồng ý của cha, mẹ hai bên gia đình nên có tổ chức lễ cưới vào năm 2010, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật (theo giấy chứng nhận kết hôn số 59,

quyển số 01 ngày 06/5/2010 do UBND xã Vĩnh Xương, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang cấp). Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2013 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cự cãi nhau, hiện chị và anh P đã sống ly thân và thời gian ly thân từ năm 2014 đến nay. Trong khoảng thời gian sống ly thân, chị N và anh P không có gặp nhau hoặc liên lạc với nhau để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Từ đó chị N thấy cuộc sống tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn đoàn tụ sống chung với nhau được. Nay chị yêu cầu được ly hôn với anh P.

- *Về con chung*: Có 01 (một) con chung tên Trần Tường V, sinh ngày 02/8/2011 hiện chị trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Không có, nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho anh P đến Tòa án để cung cấp lời khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh P vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được vụ án.

Tại phiên tòa: Chị Nguyễn Thị N vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

- *Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Châu:*

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, các đương sự chấp hành thủ tục tố tụng từ khi thụ lý đến khi xét xử đã thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 48, 70, 71, 203 và Điều 239 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận chị Nguyễn Thị N được ly hôn anh Trần Văn P; về nuôi con chung: Giao con chung Trần Tường V, sinh ngày 02/8/2011 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, anh P không phải cấp dưỡng nuôi con chung; về tài sản chung và nợ chung: Không có, đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí

Tòa án. Do yêu cầu được chấp nhận, chị Nguyễn Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về thẩm quyền: Chị Nguyễn Thị N có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Trần Văn P, có nơi cư trú tại tổ 3, ấp 2, xã Vĩnh Xương, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu theo quy định tại khoản 1 Điều 28 điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn anh Trần Văn P đã được Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu triệu tập hợp lệ đến phiên Tòa xét xử lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh Trần Văn P.

[2] Về hôn nhân: Chị N và anh P kết hôn vào năm 2010, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật (theo giấy chứng nhận kết hôn số 59, quyển số 01 ngày 06/5/2010 do UBND xã Vĩnh Xương, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang cấp). Tại thời điểm kết hôn chị N và anh P đã đủ độ tuổi và có đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền, do vậy đây là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 8 và 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Nên được pháp luật bảo vệ.

Sau khi kết hôn, chị N và anh P chung sống hạnh phúc đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chị N trình bày do bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên vợ chồng thường xuyên cự cãi với nhau và mâu thuẫn vẫn kéo dài, không hòa giải được. Chị và anh P đã ly thân từ năm 2014 cho đến nay, tình cảm vợ chồng không còn nên chị N yêu cầu được ly hôn với anh P.

Hội đồng xét xử xét thấy chị N và anh P phát sinh mâu thuẫn từ năm 2013 do bất đồng quan điểm sống và trong thời gian ly thân, anh chị không tạo điều kiện thăm nom, hàn gắn tình cảm vợ chồng và suốt thời gian Tòa án xem xét giải quyết vụ án, anh P không gửi tự khai trình bày ý kiến cũng không đến Tòa án tham

dự phiên hòa giải, phiên tòa thể hiện sự không quan tâm đối với yêu cầu ly hôn của chị N. Mặt khác, theo lời trình bày của bà Phan Thị Đ (mẹ ruột chị N) trình bày trong thời gian vợ chồng chị N, anh P còn sống chung thì có thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là anh P thường xuyên uống rượu không chăm lo vợ con, chị N khuyên can nhiều lần nhưng anh P không sửa chữa. Điều đó cho thấy tình trạng hôn nhân của anh, chị đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nếu duy trì cuộc hôn nhân này cũng không thật sự mang lại hạnh phúc cho cả hai. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N.

[3] Về nuôi con chung: Chị Nguyễn Thị N và anh Trần Văn P có 01 (một) con chung tên Trần Tường V, sinh ngày 02/8/2011 hiện chị N trực tiếp nuôi dưỡng.

Hội đồng xét xử xét thấy con chung hiện chị N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc; thời gian qua cháu V được chị N chăm sóc về mọi mặt vật chất lẫn tinh thần và chị N có công việc, thu nhập ổn định. Do đó, xét về quyền lợi mọi mặt và để ổn định về sinh hoạt, mặt tâm lý cho cháu V, Hội đồng xét xử xét thấy việc chị N yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung là có cơ sở chấp nhận. Do chị N không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên anh P không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị N tạo mọi điều kiện thuận lợi cho anh P trong việc đến thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở quyền này. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con thì Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Theo trình bày của chị N, chị và anh P không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Toà án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét giải quyết. Nếu sau này giữa chị và anh P có phát sinh tranh chấp về tài sản chung, nợ chung và khởi kiện sẽ được Tòa án thụ lý, giải quyết bằng vụ án khác.

[5] Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thống nhất với đại diện Viện kiểm sát về quan điểm giải quyết vụ án.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của chị Nguyễn Thị N được chấp nhận nên phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 273, Điều 278 và khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 8, Điều 9, Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Điều 2, Điều 6, Điều 7, Điều 9 và Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1. *Về hôn nhân:* Chị Nguyễn Thị N được ly hôn anh Trần Văn P.

2. *Về nuôi con chung*: Giao con chung Trần Tường V, sinh ngày 02 tháng 8 năm 2011 cho chị Lê Thị N trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Trần Văn P không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị N tạo mọi điều kiện thuận lợi cho anh P trong việc đến thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở quyền này. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con thì Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. *Về tài sản chung và nợ chung:* Chị Nguyễn Thị N không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Nếu sau này giữa chị Nguyễn Thị N và anh Trần Văn P có phát sinh tranh chấp về tài sản chung và nợ chung sẽ được Tòa án thụ lý, giải quyết bằng vụ án khác.

4. *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Chị Nguyễn Thị N phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm và được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0012076 ngày 20/02/2017 của Chi cục Thi hành án Dân sự thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

"*Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tống đạt hợp lệ*"./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND TX.Tân Châu;
- Chi cục THADS TX. Tân Châu;
- UBND xã Vĩnh Xương;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: Hồ sơ, V.phòng.

Phạm Hữu Dẫm